

DANH SÁCH HỌC VIÊN THI ANH VĂN TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1 ĐẠT YÊU CẦU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 422/QĐ-ĐHDT ngày 17/12/2019 của Chủ tịch HĐ Thi Anh văn TĐB1)

TT	SBD	Họ & Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các kỹ năng				Tổng
					Nói	Nghe	Đọc	Viết	
1	001	Phạm Ngọc Bảo	06/10/1989	Quảng Ngãi	10,0	18	27	25	80
2	003	Lê Vĩnh Biểu	01/01/1975	Quảng Ngãi	7,0	17	28	27	79
3	004	Ngô Phi Cường	10/02/1981	Quảng Ngãi	11,0	15	29	26	81
4	005	Bùi Công Chính	06/12/1982	Quảng Ngãi	13,0	18	27	26	84
5	006	Dương Văn Chung	10/10/1977	Quảng Nam	7,0	19	25	8	59
6	007	Nguyễn Vũ Hoàng Chương	30/06/1978	Quảng Ngãi	7,0	17	29	24	77
7	010	Lê Ngọc Dũng	12/08/1977	Quảng Nam	6,0	16	23	16	61
8	011	Nguyễn Quốc Dũng	19/03/1983	Quảng Ngãi	8,0	17	29	27	81
9	012	Nguyễn Khánh Duy	02/01/1981	Quảng Ngãi	9,0	17	27	26	79
10	013	Nguyễn Hải Dương	30/11/1985	Quảng Ngãi	6,0	19	29	20	74
11	014	Trần Đại Dương	23/06/1975	Quảng Ngãi	13,0	19	29	26	87
12	015	Trương Thị Bích Đào	16/12/1984	Quảng Ngãi	6,0	18	28	25	77
13	016	Bùi Thị Việt Hà	28/02/1976	Quảng Ngãi	6,0	18	29	26	79
14	017	Đào Nguyễn Phức Hà	20/06/1985	Hà Nội	8,0	19	28	24	79
15	019	Trà Thị Thanh Hà	08/04/1976	Quảng Ngãi	7,0	17	29	26	79
16	020	Trịnh Thị Thu Hà	17/10/1981	Quảng Ngãi	6,0	17	29	27	79
17	021	Bùi Nguyễn Nhật Hạ	05/03/1985	Đà Nẵng	12,0	17	27	26	82
18	022	Đoàn Thị Hạnh	10/05/1979	Quảng Bình	6,0	16	27	25	74
19	023	Nguyễn Thanh Hào	15/01/1972	Quảng Bình	6,0	16	28	17	67
20	024	Lê Thị Hiền	23/01/1985	Quảng Bình	12,0	16	27	25	80
21	025	Trương Thị Thanh Hiền	04/12/1981	Đà Nẵng	12,0	17	26	27	82
22	026	Bùi Đắc Hiền	15/08/1970	Quảng Ngãi	9,0	14	30	28	81
23	027	Nguyễn Hữu Hiền	24/06/1982	Quảng Nam	15,0	17	23	24	79
24	028	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1973	Quảng Nam	12,0	16	23	26	77
25	029	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	11/01/1973	Hải Hưng	8,0	16	25	27	76
26	030	Nguyễn Thị Hòa	20/02/1982	Quảng Nam	14,0	16	26	26	82
27	031	Trần Thanh Hoàng	15/12/1981	Bình Định	13,0	17	25	25	80
28	032	Huỳnh Huy	02/12/1979	Quảng Ngãi	8,0	17	22	26	73
29	033	Trần Thị Như Huyền	20/02/1979	Quảng Ngãi	8,0	16	27	26	77
30	034	Đỗ Văn Kha	04/04/1976	Quảng Ngãi	7,0	17	28	23	75
31	035	Nguyễn Thị Minh Khang	16/01/1974	Thái Bình	6,0	16	26	24	72
32	036	Nguyễn Thanh Khoa	20/05/1980	Quảng Ngãi	12,0	17	30	26	85
33	037	Nguyễn Phương Lâm	21/05/1990	Quảng Bình	16,0	17	28	24	85

34	038	Phan Thị Xuân	Lập	14/02/1976	Quảng Ngãi	6,0	17	25	19	67
35	039	Phan Nhị	Liên	22/12/1989	Quảng Ngãi	7,0	17	26	27	77
36	040	Đặng Thành	Linh	02/06/1992	Quảng Bình	13,0	17	25	25	80
37	041	Trần Thị Xuân	Linh	13/01/1991	Quảng Ngãi	6,0	19	29	28	82
38	042	Vũ Thị Thùy	Linh	25/10/1985	Quảng Ngãi	12,0	17	29	29	87
39	043	Nguyễn Văn	Lộc	10/11/1987	Quảng Ngãi	7,0	19	29	25	80
40	044	Nguyễn Vĩnh	Lộc	10/10/1970	Quảng Ngãi	7,0	15	29	26	77
41	045	Nguyễn Quang	Lục	10/07/1973	Thái Bình	7,0	19	23	23	72
42	046	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/02/1985	Quảng Ngãi	11,0	19	29	28	87
43	047	Lê Thị Trúc	Ly	20/11/1987	Quảng Ngãi	12,0	18	28	26	84
44	048	Phan Thị Thảo	Ly	27/05/1994	Quảng Nam	12,0	18	27	27	84
45	049	Nguyễn Đức	Minh	28/06/1985	Quảng Bình	6,0	20	28	20	74
46	050	Nguyễn Văn	Mười	16/06/1976	Quảng Ngãi	6,0	18	28	17	69
47	051	Đoàn Thị Thúy	Nga	23/06/1977	Đà Nẵng	12,0	18	23	19	72
48	052	Lê Thị Hoài	Nga	24/10/1981	Quảng Bình	6,0	18	25	26	75
49	053	Nguyễn Trung Mỹ	Ngân	08/10/1992	Đà Nẵng	7,0	20	28	27	82
50	054	Hồ Văn	Nghĩa	08/10/1980	Quảng Ngãi	7,0	20	28	26	81
51	055	Đinh Văn	Nghiệp	31/10/1985	Quảng Ngãi	8,0	20	29	22	79
52	056	Đỗ Thị Thanh	Ngọc	01/06/1984	Quảng Ngãi	9,0	20	27	26	82
53	057	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn	01/08/1984	Quảng Ngãi	6,0	19	25	22	72
54	058	Trần Thị Thanh	Nhàn	03/02/1978	Quảng Ngãi	11,0	19	25	27	82
55	059	Nguyễn Văn	Nhị	02/03/1978	Quảng Ngãi	6,0	20	27	26	79
56	060	Lê Thị Hồng	Nhung	24/05/1983	Đắk Lắk	6,0	19	21	24	70
57	061	Nguyễn Thị	Nhung	04/02/1987	Quảng Ngãi	11,0	16	30	26	83
58	062	Trần Phương	Nhung	14/09/1992	Quảng Bình	9,0	19	27	26	81
59	063	Hồ Ngọc	Pháp	01/01/1977	Đà Nẵng	9,0	18	25	23	75
60	064	Nguyễn Hồng	Phi	19/09/1975	Quảng Bình	8,0	18	23	24	73
61	065	Nguyễn Tấn	Phong	03/11/1987	Bình Định	16,0	16	30	28	90
62	066	Đặng Trần Phú	Phúc	19/07/1993	Đà Nẵng	13,0	19	28	26	86
63	067	Huỳnh Phước Duy	Phương	23/06/1983	Đà Nẵng	15,0	19	25	28	87
64	068	Nguyễn Hồng Anh	Phương	16/12/1985	Đắk Lắk	12,0	19	26	25	82
65	069	Nguyễn Thị Trúc	Phương	02/09/1994	Đồng Tháp	17,0	17	24	18	76
66	070	Phạm Thị Lý	Phương	12/08/1990	Quảng Ngãi	15,0	18	29	26	88
67	071	Phan Thị Minh	Phương	20/08/1987	Quảng Nam	15,0	19	25	22	81
68	072	Nguyễn Thanh	Quang	17/05/1993	TT - Huế	19,0	19	27	12	77
69	073	Trần Vinh	Quang	24/11/1984	Đà Nẵng	17,0	18	27	24	86
70	074	Trần Đức	Quảng	22/04/1982	Quảng Bình	15,0	17	29	27	88
71	075	Phạm Hồng	Quân	14/06/1979	Quảng Ngãi	8,0	18	30	19	75
72	076	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/02/1987	Quảng Bình	15,0	17	29	28	89
73	077	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/10/1990	Quảng Bình	14,0	18	27	26	85

74	078	Nguyễn Hoàng	Sơn	02/08/1981	Quảng Ngãi	8,0	17	30	28	83
75	079	Tổng Thị Ngọc	Sương	25/05/1974	Hà Nội	12,0	18	30	24	84
76	080	Lê Tấn	Tài	20/02/1981	Quảng Nam	8,0	18	29	22	77
77	081	Trần Thị Minh	Tâm	08/05/1978	Quảng Ngãi	8,0	19	28	26	81
78	082	Nguyễn Văn	Tân	10/01/1977	Quảng Ngãi	8,0	19	29	21	77
79	083	Nguyễn Thanh	Tiên	31/05/1995	TT - Huế	18,0	18	25	17	78
80	085	Phan Văn	Tiên	23/12/1990	Quảng Ngãi	12,0	20	29	26	87
81	086	Trần Văn	Tín	01/01/1976	Quảng Nam	10,0	19	24	16	69
82	087	Trương Quang	Tín	26/11/1988	Quảng Ngãi	8,0	20	28	23	79
83	088	Trương Đình	Tú	12/05/1982	Quảng Bình	14,0	20	27	20	81
84	089	Nguyễn	Tuấn	27/11/1979	Quảng Nam	8,0	20	25	21	74
85	090	Nguyễn	Tuấn	12/02/1976	Quảng Trị	8,0	20	27	26	81
86	091	Nguyễn Huỳnh Mĩ	Tuấn	07/07/1991	Quảng Bình	8,0	20	28	22	78
87	092	Trần Quốc	Tuấn	30/12/1977	Quảng Nam	6,0	19	27	20	72
88	093	Nguyễn Ngọc	Tùng	08/08/1973	Quảng Ngãi	6,0	20	27	22	75
89	094	Phạm Khắc Thiên	Tường	27/11/1987	Đà Nẵng	15,0	20	29	25	89
90	095	Đinh Quang	Tường	26/10/1971	Đà Nẵng	6,0	19	26	14	65
91	096	Dương Thái	Thạch	22/11/1983	Hải Dương	12,0	19	24	28	83
92	097	Nguyễn Hồng	Thanh	16/03/1974	Quảng Bình	6,0	16	27	13	62
93	098	Nguyễn Ngọc	Thanh	09/07/1971	Hà Tây	6,0	20	25	23	74
94	099	Vũ Quốc	Thanh	21/08/1977	Quảng Nam	6,0	20	25	18	69
95	100	Nguyễn Đức	Thành	16/02/1978	Quảng Bình	8,0	20	26	24	78
96	101	Trần Cao	Thành	10/11/1982	Quảng Ngãi	6,0	19	29	22	76
97	102	Trần Thị Kim	Thành	05/09/1983	Quảng Ngãi	11,0	18	30	25	84
98	103	Trần Đăng	Thạnh	06/04/1974	Quảng Nam	9,0	18	28	21	76
99	104	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	19/12/1982	Kon Tum	14,0	18	29	22	83
100	105	Nguyễn Thị	Thạo	03/10/1987	Quảng Bình	15,0	18	26	24	83
101	106	Nguyễn Văn Minh	Thắng	26/04/1990	Đà Nẵng	9,0	18	26	25	78
102	107	Phan Hồng	Thắng	19/09/1992	Quảng Ngãi	10,0	18	29	24	81
103	108	Hoàng Thị	Thi	23/08/1982	Quảng Bình	11,0	18	22	24	75
104	109	Hồ Lê Anh	Thi	15/07/1994	Quảng Nam	13,0	18	25	24	80
105	110	Phạm Đức	Thịnh	15/01/1984	Quảng Nam	14,0	18	25	22	79
106	111	Nguyễn Thị Bích	Thoa	01/06/1981	Vĩnh Phú	7,0	18	28	18	71
107	112	Cao Văn	Thong	03/02/1978	Quảng Ngãi	8,0	18	29	20	75
108	113	Phạm Phú	Thuận	21/12/1991	Quảng Ngãi	11,0	18	28	24	81
109	114	Lương Ngọc	Thủy	23/11/1981	TT - Huế	11,0	18	25	24	78
110	115	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	05/04/1984	Đà Nẵng	13,0	18	28	26	85
111	116	Đinh Thị Thanh	Thúy	29/10/1983	Quảng Ngãi	9,0	18	29	24	80
112	117	Lê Thị Ngọc	Thúy	16/04/1989	Quảng Nam	13,0	18	25	24	80
113	118	Nguyễn Thanh	Trà	22/06/1991	Quảng Ngãi	14,0	18	28	17	77

114	119	Đinh Thị Hải	Trang	01/12/1986	Phú Yên	15,0	18	28	23	84
115	120	Nguyễn Thị Phươn	Trang	08/11/1982	Quảng Ngãi	9,0	18	29	23	79
116	122	Phạm Thị Thu	Trang	27/11/1987	Quảng Bình	7,0	18	28	26	79
117	123	Lê Minh	Triều	30/10/1979	Quảng Nam	19,0	20	25	23	87
118	124	Trương Thị Mai	Trinh	01/09/1989	Quảng Nam	16,0	20	27	28	91
119	125	Phan Văn	Trung	01/01/1971	Quảng Nam	10,0	20	24	22	76
120	126	Trần Việt	Trung	15/10/1992	Quảng Bình	8,0	20	27	22	77
121	127	Đinh Thiên	Trường	18/07/1987	Quảng Ngãi	8,0	19	28	27	82
122	128	Phan Đức Nhật	Trường	16/04/1989	Quảng Nam	13,0	20	27	27	87
123	129	Hà Nguyên Xuân	Uyển	15/02/1992	TT - Huế	12,0	20	23	25	80
124	130	Hà Thị	Vân	20/01/1978	Quảng Ngãi	14,0	19	30	28	91
125	131	Ngô Thị Tường	Vi	15/01/1986	Quảng Ngãi	12,0	20	28	28	88
126	132	Bùi Thái	Việt	24/02/1987	Quảng Ngãi	9,0	20	27	26	82
127	133	Nguyễn Văn	Việt	08/12/1981	Quảng Ngãi	7,0	19	30	25	81
128	134	Trần Anh	Vũ	28/12/1993	Quảng Nam	13,0	19	29	25	86
129	135	Lê Hoàng Cẩm	Xuyên	05/08/1988	Quảng Ngãi	13,0	19	25	23	80
130	136	Nguyễn Đức Vĩnh	Thắng	20/02/1987	Quảng Trị	15,0	19	27	18	79
131	137	Võ Hữu	Dũng	13/06/1973	Vĩnh Phú	7,0	9	29	16	61
132	138	Ngô Minh	Hiếu	18/10/1974	Đà Nẵng	19,0	19	24	22	84
133	139	Võ Trọng	Nhân	20/08/1993	Quảng Ngãi	19,0	17	25	15	76
134	140	Võ Văn	Phúc	22/08/1991	Quảng Nam	14,0	19	30	27	90
135	141	Châu Nguyễn Bá	Thịnh	29/07/1992	Đà Nẵng	14,0	14	27	15	70
136	142	Nguyễn Hồng	Thanh	22/09/1971	Hà Nội	10,0	19	27	25	81

KT CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DUY TÂN
PGS, TS. Lê Đức Toàn